| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ KON TUM**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày 09/6/2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH K**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trương Duy Cảnh.

2. Ông Nguyễn Danh Hương

***- Thư ký phiên tòa***: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K tham gia phiên tòa***: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng h, địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch – Phó Giám đốc NH - Chi nhánh tỉnh K, địa chỉ: 309 D, thành phố K, tỉnh K, có mặt;

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1959, vắng mặt;

Nơi đăng ký HKTT: 22/2 Đ, Tổ 6, phường Q, thành phố K, tỉnh K;

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Tổ 1, phường Tr, thành phố K, tỉnh K;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Ngày 11/12/2011 Ngân hàng Ch – Chi nhánh K (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Ph vay số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo để trồng cà phê, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0.845%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả gốc 12 lần ,

mỗi lần 6.500.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/12/2014, theo mã món vay số 6000004300001966, người đứng tên vay bà Ph với tư cách đại diện hộ gia đình. Đến hạn bà Ph không trả được nợ. Ngân hàng đã cho gia hạn trả nợ đến ngày 11/6/2016. Đến năm 2019 bà Ph trả 02 lần được 3.000.000 đồng nợ gốc và 1.769.000 đồng tiền lãi .

Tính đến ngày 09/6/2021, bà Ph còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 29.729.349 đồng, trong đó nợ gốc 17.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.515.738 đồng, lãi quá hạn 2.213.611 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Ph trả số tiền nợ gốc và lãi là 29.729.349 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- **Bị đơn** bà Nguyễn Thị Ph không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp của mình.

**- Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát**:

***Việc tuân theo pháp luật***: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự (BLTTDS); người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật;

Bà Ph thường xuyên vắng mặt nơi cư trú; chính quyền địa phương không biết bà Ph đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ph là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

***Về quan điểm giải quyết vụ án***: Đề nghị áp dụng các điều 280, 282, 463, 466, 470, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688; chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng, buộc bà Ph trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 29.729.439 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ. Bà Ph là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nhưng bà không làm đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định, nên không được miễn nộp tiền án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng**:

- Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay vốn tín dụng đối với bà Phương. Tại thời điểm thụ lý thì bà Ph có nơi cư trú tại tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố K, tỉnh K.

- Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần đến nhà để tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Phương, nhưng bà Ph không có ở nhà và thường xuyên đóng cửa nhà. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, thì xác định bà Ph thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, nhưng hiện nay gia đình bà Ph thường xuyên vắng mặt ở nhà,

chính quyền không biết gia đình bà Ph đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà Ph để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Ph đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà Phương.

- Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay vốn tín dụng giữa bà Ph với ngân hàng được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực, hợp đồng đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với BLDS2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015, Tòa án áp dụng các quy định của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

**Về nội dung**:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc bà Ph trả tiền nợ gốc và lãi suất cho ngân hàng, xét thấy: Theo Sổ vay vốn; Sổ theo dõi cho vay; Giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 11/12/2011, Ngân hàng cho hộ gia đình bà Ph vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0.845%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả gốc 12 lần, mỗi lần 6.500.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/12/2014. Đến hạn bà Ph không trả được nợ. Ngân hàng đã cho gia hạn trả nợ đến ngày 11/6/2016. Đến năm 2019 bà Ph trả 02 lần được 3.000.000 đồng nợ gốc và 1.769.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 09/6/2021 bà Ph còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 29.729.349 đồng, trong đó nợ gốc 17.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 10.515.738 đồng, lãi quá hạn 2.213.611 đồng.

Do đó ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Ph trả số tiền nợ gốc và lãi là 29.729.349 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn, là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về án phí: Bà Ph là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, nhưng bà không làm đơn xin miễn nộp tiền án phí theo quy định, nên không được miễn nộp tiền án phí. Do đó bà Ph phải chịu 1.486.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (29.729.349 đồng x 5%).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 282, 463, 466, 470, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự. Xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đề ngày 26/02/2021 của Ngân hàng Ch đối với bà Nguyễn Thị Ph;

**2.** Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho Ngân hàng Ch – Chi nhánh tỉnh K số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 09/6/2021 là **29.729.349 đồng** *(Hai mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn chín đồng).*

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**3.** Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 1.486.000 *(một triệu, bốn trăm tám sáu nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Xuân Hoài**